

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa,
vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 25 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa: là Bộ Giao thông vận tải đối với quản lý đường thủy nội địa quốc gia; là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với quản lý đường thủy nội địa địa phương (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa: là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa, bao gồm: cơ quan chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải là Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Giao thông vận tải.

3. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực: là cơ quan cấp dưới trực tiếp của cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

4. Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa: là các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện bảo trì công trình đường thủy nội địa.

5. Nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa: là nạo vét đảm bảo cấp kỹ thuật hiện tại.

6. Nạo vét nâng cấp luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa: là nạo vét theo cấp kỹ thuật cao hơn.

Điều 3. Lập danh mục các công trình nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm

1. Nhà nước ưu tiên và khuyến khích các nhà đầu tư tham gia hoạt động nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và của nhà đầu tư.

2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa căn cứ quy hoạch phát triển được duyệt, cấp kỹ thuật, hiện trạng luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa tổ chức lập danh mục các dự án (công trình) thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa, trình cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

3. Danh mục các dự án (công trình) phải có những nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên dự án;
- b) Mục tiêu của dự án;
- c) Địa điểm thực hiện dự án;
- d) Tóm tắt các thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thiết kế chủ yếu của công trình, khối lượng nạo vét dự kiến, thời gian thực hiện.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa thẩm định và phê duyệt danh mục các dự án (công trình) thực hiện đầu tư nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước đối với các tuyến đường thủy nội địa và vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

Đối với danh mục dự án trên luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng bến thủy nội địa quốc gia, Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đi qua trước khi quyết định.

5. Danh mục dự án (công trình) đã được phê duyệt có thể được sửa đổi, bổ sung trong trường hợp quy hoạch hoặc hiện trạng luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng bến thủy nội địa thay đổi hoặc đã được phê duyệt kế hoạch thực hiện bằng nguồn vốn khác.

Điều 4. Công bố danh mục dự án

1. Danh mục dự án (công trình) được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa và cơ quan quản lý đường thủy nội địa sau 05 ngày làm việc kể từ ngày danh mục dự án được duyệt (bao gồm cả các danh mục dự án được sửa đổi, bổ sung).

2. Danh mục dự án (công trình) được công bố phải có những nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này.

Điều 5. Đăng ký thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư có thể đăng ký thực hiện dự án trong danh mục dự án đã công bố hoặc dự án chưa có trong danh mục đã công bố.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư này, nêu khái quát thông tin của dự án: tên dự án, tên công trình, vị trí, địa điểm, phạm vi, sự cần thiết, hình thức thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện và các nội dung khác;

b) Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các giấy tờ liên quan chứng minh năng lực của nhà đầu tư như hợp đồng, liên doanh, liên kết);

c) Hồ sơ năng lực tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm của nhà đầu tư. Báo cáo tài chính 03 năm liền kề gần nhất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế hoặc cơ quan tài chính) hoặc văn bản cam kết tài chính thực hiện dự án;

d) Hồ sơ năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư: (nếu có).

Điều 6. Chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất trong 02 ngày làm việc phải có văn bản trả lời nhà đầu tư;

b) Trường hợp có một nhà đầu tư đăng ký thực hiện 01 dự án, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, có văn bản chấp thuận nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án;

c) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký thực hiện 01 dự án, chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầu tiên đầy đủ theo quy định, tổ chức thẩm định các yếu tố pháp lý, năng lực về tài chính, năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm thực hiện dự án và có văn bản chấp thuận nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án;

d) Có văn bản trả lời, nêu rõ lý do đối với nhà đầu tư không được chấp thuận thực hiện dự án.

Điều 7. Hồ sơ đề xuất dự án

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thực hiện dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành khảo sát, lập và gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án tới cơ quan quản lý đường thủy nội địa. Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm:

1. Văn bản đề nghị phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án.

2. Phương án đề xuất dự án với những nội dung chính sau đây:

a) Mục đích sử dụng sản phẩm tận thu được trong quá trình nạo vét;

b) Xác định địa điểm, quy mô, phạm vi thi công; xác định khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế đã được công bố hoặc phân tích, đề xuất thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thi công;

c) Biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch và tiến độ thực hiện thi công; biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng và tiến độ thực hiện;

d) Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

e) Xác định sơ bộ tổng vốn đầu tư của dự án và thời hạn thực hiện dự án;

3. Bản vẽ thiết kế: bản vẽ tổng mặt bằng (bình đồ khảo sát địa hình, tuyến luồng hoặc khu nước, vùng nước; vị trí tập kết phương tiện, vị trí tập kết sản phẩm nạo vét...); bản vẽ mặt bằng phạm vi khu vực nạo vét; bản vẽ chi tiết mặt cắt nạo vét; tọa độ mép luồng, vùng nước trước bến tại mặt cắt và các bản vẽ khác có liên quan;

4. Văn bản cam kết thực hiện dự án bao gồm: cam kết về bố trí nhân lực, thiết bị đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án và giải quyết khắc phục hậu quả nếu thực hiện dự án không đúng theo quy định;

5. Bảo lãnh tài chính hoặc bảo đảm thực hiện dự án phù hợp;

6. Các tài liệu khác cần thiết cho việc giải trình hồ sơ đề xuất thực hiện dự án (nếu có).

Điều 8. Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án

1. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

2. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý đường thủy nội địa, thẩm định các yếu tố pháp lý, năng lực về tài chính, năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm thực hiện dự án và phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 của Thông tư này. Trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Điều 9. Đàm phán, ký kết và điều chỉnh hợp đồng dự án

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt hồ sơ dự án của cơ quan quản lý về đường thủy nội địa hồ sơ về đánh giá tác động môi trường được duyệt theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, cơ quan quản lý đường thủy nội địa tổ chức đàm phán và ký kết hợp đồng thực hiện dự án với nhà đầu tư đã được chọn. Nội dung đàm phán và ký kết hợp đồng thực hiện dự án với nhà đầu tư tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Thông tin của các bên trong hợp đồng;
- b) Thông tin về dự án: Tên dự án, tên công trình, vị trí, địa điểm;
- c) Phạm vi và chuẩn tắc thiết kế;
- d) Dự kiến khối lượng nạo vét;
- e) Biện pháp, trình tự, kế hoạch thực hiện và tiến độ thi công;
- g) Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;
- h) Thực hiện đăng ký sản phẩm tận thu và chịu sự giám sát sản phẩm tận thu trong quá trình thực hiện dự án theo hướng dẫn của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- i) Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;
- k) Biện pháp xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện dự án.

2. Thời hạn hợp đồng thực hiện dự án do các bên thỏa thuận phù hợp với danh mục đã công bố, khối lượng, phương tiện, thiết bị nạo vét, việc đảm bảo an toàn giao thông, tận thu sản phẩm và các điều kiện liên quan khác. Thời hạn hợp đồng thực hiện dự án có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo các điều kiện quy định tại hợp đồng thực hiện dự án.